TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08/5/2026
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng Anh Việt.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Phạm Thị Sâm và bà Phạm Thị Nhàn.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2026/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: 211/10 Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thành phố Hồ Chí Minh.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Ia Lâm, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Phạm Hồng T có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/3/2025 tại UBND xã Ia Krêl, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai (cũ), nay là UBND xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai.

Trong thời gian chung sống, giữa bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng do sự khác biệt trong cách sống, quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra

cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Ông bà đã cố gắng cùng nhau nhiều lần hòa giải mâu thuẫn nhưng không được và đã sống ly thân một thời gian, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, ông Phạm Hồng T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hồng T và bà Trần Thị H có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/3/2025 tại UBND xã Ia Krêl, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai (cũ), nay là UBND xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai.

Sau khi kết hôn, ông T và bà H chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã về nhiều vấn đề trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn, bà H xin ly hôn thì ông T cũng nhất trí, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Phạm Hồng T là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì giữa bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T và ông T cũng nhất trí ly hôn với bà H. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên ông T và bà H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị H là nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hồng T có địa chỉ tại thôn Ia Lâm, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai. Vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Phạm Hồng T trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình chung sống với ông T, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T. Ông T cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu tH nhau và nhất trí ly hôn với bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Phạm Hồng T không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên bà H và ông T đều không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001579, ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bà H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/5/2026, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 8;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia Krêl;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA